BẢO ĐẢM AN NINH TRẬT TỰ Ở CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI ĐẮK NÔNG: TỰ BẢO VỆ CỦA HỘ GIA ĐÌNH VÀ RÀO CẢN THAM GIA

PHAN ĐỨC NAM
Viện Xã hội học và Tâm lý học,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 10/9/2026. Sửa chữa xong 10/10/2026. Duyệt đăng 21/10/2026.

Abstract

This article examines household self-protection practices and barriers to participation in community-based security and public order organizations among ethnic minority communities in Dak Nong, using data from a 2024 survey of 730 households. Descriptive statistics and logistic regression reveal differences in household protective practices according to living standards and educational attainment, even after controlling for social characteristics and locality. Sources of security-related information also vary across educational groups. Among respondents who did not participate in security and public order organizations, 54% cited time or health constraints, while 30.2% reported that they had not been elected, nominated, or assigned a role. The findings indicate the need to support essential protective measures for disadvantaged households, provide practical safety-skills training, and create participation opportunities suited to residents' circumstances.

Keywords: *Dak Nong, ethnic minorities, household self-protection, participation barriers, public security and order.*

1. Đặt vấn đề

Bảo đảm an ninh trật tự (ANTT) tại cộng đồng gắn với sự an toàn của người dân và khả năng duy trì đời sống, sản xuất. Ở những địa bàn có nhiều nhóm dân tộc cùng sinh sống, công việc này cần sự phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền, tổ chức cộng đồng và từng hộ gia đình. Việc lựa chọn biện pháp phù hợp đòi hỏi phải hiểu người dân đang thực hiện những gì, gặp khó khăn ở đâu và có thể đóng góp trong điều kiện nào.

Trong thực tiễn, vận động cộng đồng thường nhấn mạnh trách nhiệm và tinh thần tự giác. Tuy nhiên, mong muốn đóng góp và điều kiện thực hiện không phải lúc nào cũng trùng nhau. Một gia đình có thể quan tâm đến bảo vệ tài sản nhưng chưa đủ khả năng sửa hàng rào; một người có thể muốn tham gia công việc chung nhưng bị giới hạn bởi sức khỏe hoặc thời gian. Nếu chỉ giải thích hành động bằng ý thức, việc tổ chức phòng ngừa dễ bỏ qua những khác biệt có thể được khắc phục bằng hỗ trợ và điều chỉnh cách thực hiện. Đắk Nông là trường hợp phù hợp để xem xét vấn đề này. Đề tài về văn hóa cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới (NTM) ghi nhận mô hình bảo vệ nông sản, camera an ninh và khó khăn về nguồn lực, hướng dẫn, duy trì hoạt động (Viện Xã hội học, 2024). Những thông tin này gợi mở nhu cầu nghiên cứu điều kiện để các hộ tiếp cận bảo vệ và tham gia công việc chung.

Nghiên cứu quốc tế cung cấp một số hướng giải thích. Cohen và Felson (1979) chú ý tới cơ hội thực hiện hành vi xâm hại trong đời sống thường nhật và sự hiện diện của việc bảo vệ thích hợp. Brady, Verba và Schlozman (1995) nhấn mạnh nguồn lực thời gian, tiền bạc và kỹ năng trong tham gia chính trị; Verba, Schlozman và Brady (1995) làm rõ sự bất bình đẳng về cơ hội cất tiếng nói. Khi vận dụng sang

Email: paduna777@yahoo.com

hoạt động ANTT, các tiếp cận này gợi ý xem xét điều kiện hành động và cách tiếp cận tổ chức, đồng thời cần lưu ý khác biệt giữa các lĩnh vực tham gia.

Bài viết phân tích tự bảo vệ tại gia đình, nguồn thông tin theo học vấn và lý do không tham gia tổ chức ANTT, đồng thời xem xét những liên hệ còn được ghi nhận sau điều chỉnh theo đặc điểm xã hội, địa bàn. Luận điểm xuyên suốt là huy động người dân cần đi cùng hỗ trợ điều kiện hành động. Kết quả làm cơ sở đề xuất biện pháp có đối tượng, gắn giáo dục an toàn với khả năng tiếp cận bảo vệ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết phân tích dữ liệu khảo sát năm 2024 của đề tài cấp Bộ về văn hóa cộng đồng trong xây dựng NTM ở vùng dân tộc thiểu số (DTTS) Đắk Nông, do Viện Xã hội học chủ trì. 6 xã khảo sát gồm Quảng Khê, Đắk Som, Nâm N'jang, Trường Xuân, Đắk R'La, Long Sơn, thuộc ba huyện Đắk Glong, Đắk Song, Đắk Mil. Mỗi huyện có một xã đạt và một xã chưa đạt NTM. Tại mỗi xã, chọn bốn thôn theo đặc điểm xã hội, địa lý, sau đó chọn hộ ngẫu nhiên hệ thống; mỗi hộ phỏng vấn một đại diện từ 18 tuổi trở lên. Mẫu dự kiến 720 hộ, thực tế thu được 730 phiếu. Tên địa bàn theo địa giới năm 2024, trước sắp xếp cấp tỉnh năm 2025 (Quốc hội, 2025).

Tự bảo vệ được đo bằng việc thực hiện biện pháp an toàn tại gia đình trong năm qua như lắp camera, làm hàng rào; chỉ báo chưa đo chất lượng hoặc hiệu quả bảo vệ. Rào cản được nhận diện qua lý do không tham gia tổ chức ANTT. Phân tích sử dụng thống kê mô tả và hồi quy logistic, so sánh có với không thực hiện, loại 21 trường hợp không phù hợp, còn 709 trường hợp. Biến giải thích gồm mức sống, học vấn, tuổi, giới, nhóm dân tộc tại chỗ/di cư và biến giả xã.

Mô hình trình bày OR và khoảng tin cậy 95%, dùng sai số chuẩn theo cụm xã, hiệu chỉnh mẫu nhỏ, phân phối t với 5 bậc tự do. Kiểm tra độ nhạy bằng thay biến địa bàn, lần lượt bỏ từng xã và đổi cách xử lý phương án không phù hợp. Chỉ có 6 cụm và dữ liệu cắt ngang nên kết quả mang tính thăm dò, không suy luận nhân quả. Lý do không tham gia được tính trên 387 trường hợp có câu trả lời nhất quán về thành viên và trả lời nhóm lý do.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Bối cảnh vấn đề an ninh trật tự và yêu cầu phòng ngừa

Sau khi loại một phiếu đồng thời chọn không xảy ra và không biết, có 729 trường hợp hợp lệ: 187 người đề cập một loại vấn đề ANTT tại xã trong năm qua (25,7%); 285 người đề cập từ hai loại trở lên (39,1%); 175 người không ghi nhận vụ việc thuộc danh mục (24,0%); 82 người không biết (11,2%). Đây là thông tin người dân nhận biết về địa bàn, không phải số vụ hoặc tỷ lệ gia đình bị hại.

Vấn đề ANTT đa dạng đòi hỏi hướng dẫn phòng ngừa theo tình huống và đầu mối kiểm chứng thông tin. Khiếu kiện, khiếu nại là quyền yêu cầu giải quyết, không tự nó là hành vi vi phạm. Phân tích chú ý cơ chế xử lý bất đồng và nguy cơ leo thang xung đột; không dùng số loại vấn đề như thang điểm mất ANTT.

3.2. Tự bảo vệ tại gia đình và sự phân hóa theo mức sống, học vấn

Có 421/730 người trả lời cho biết thực hiện biện pháp bảo vệ tại gia đình trong năm qua, chiếm 57,7%; 39,5% không thực hiện và 2,9% chọn không phù hợp. Như vậy, hành động tự bảo vệ được ghi nhận ở hơn một nửa mẫu khảo sát, song còn bộ phận đáng kể chưa thực hiện. Do chỉ báo gộp nhiều hoạt động, kết quả cần được xem như tình trạng có hoặc không ghi nhận hành động, chưa cho biết các hộ lựa chọn biện pháp giống nhau hay đầu tư với mức độ tương đương.

Bảng 1: Thực hiện biện pháp bảo vệ tại gia đình theo mức sống và học vấn

Đặc điểm	Nhóm xã hội	n	Có (%)	Không (%)	Không phù hợp (%)
Mức sống	Nghèo, cận nghèo	125	17,6	81,6	0,8
	Trung bình	555	64,5	31,9	3,6
	Khá giả	50	82,0	18,0	0,0

Đặc điểm	Nhóm xã hội	n	Có (%)	Không (%)	Không phù hợp (%)
Học vấn	Tiểu học trở xuống	216	31,9	62,5	5,6
	Trung học cơ sở	352	67,9	29,5	2,6
	Trung học phổ thông trở lên	162	69,8	30,2	0,0
Toàn mẫu		730	57,7	39,5	2,9

Ghi chú: Tỷ lệ trên toàn bộ số người của từng nhóm; tổng có thể lệch 100% do làm tròn. Chỉ báo gộp các biện pháp, không đo riêng lắp camera.

Nguồn: Số liệu khảo sát tại Đắk Nông, năm 2024.

Bảng 1 cho thấy sự phân hóa lớn theo mức sống: chỉ 17,6% hộ nghèo, cận nghèo ghi nhận thực hiện, so với 64,5% ở nhóm trung bình và 82% ở nhóm khá giả. Khoảng cách giữa nhóm nghèo, cận nghèo với nhóm khá giả đạt 64,4 điểm phần trăm. Đặc biệt, 81,6% nhóm nghèo, cận nghèo chọn không thực hiện. Trong phạm vi cách trả lời của nhóm này, tỷ lệ thấp chủ yếu gắn với phương án không thực hiện.

Theo học vấn người trả lời, tỷ lệ thực hiện là 31,9% ở nhóm tiểu học trở xuống, 67,9% ở nhóm THCS và 69,8% ở nhóm THPT trở lên. Khoảng cách lớn nằm giữa nhóm học vấn thấp và hai nhóm còn lại. Đây là một dấu hiệu phân tầng xã hội đáng chú ý: khả năng chuyển yêu cầu phòng ngừa thành hành động có thể gắn với cả nguồn lực kinh tế và điều kiện tiếp cận tri thức. Sự liên quan này cần được xem xét tiếp bằng mô hình có điều chỉnh.

3.3. Những mối liên hệ còn được ghi nhận sau điều chỉnh đa biến

Mô hình logistic được sử dụng để xem sự khác biệt về tự bảo vệ còn được ghi nhận khi xét đồng thời các yếu tố hay không. Mẫu phân tích gồm 709 trường hợp có trả lời có hoặc không, trong đó 421 trường hợp có thực hiện và 288 trường hợp không. Đây là phân tích mới về hành động bảo vệ tại gia đình, bổ sung cho thống kê mô tả.

Bảng 2: Mô hình logistic về thực hiện biện pháp bảo vệ tại gia đình

Biến và nhóm tham chiếu	OR	Khoảng tin cậy 95%
Trung bình (so với nghèo, cận nghèo)	4,36	1,32-14,41
Khá giả (so với nghèo, cận nghèo)	27,52	8,32-90,98
THCS (so với tiểu học trở xuống)	1,65	0,70-3,87
THPT trở lên (so với tiểu học trở xuống)	5,17	1,64-16,31
Nữ (so với nam)	0,98	0,39-2,50
Tuổi (tăng 10 năm)	1,13	0,82-1,56
DTTS di cư (so với DTTS tại chỗ)	1,28	0,10-16,41

Ghi chú: n = 709; kết quả 1 = có, 0 = không; loại 21 trường hợp không phù hợp. Sai số chuẩn theo cụm xã, hiệu chỉnh mẫu nhỏ; khoảng tin cậy dùng t với 5 bậc tự do.

Nguồn: Số liệu khảo sát Đắk Nông, năm 2024.

Sau điều chỉnh, OR của nhóm mức sống trung bình so với nghèo, cận nghèo là 4,36; nhóm khá giả là 27,52. Kết quả này cho thấy sự phân hóa kinh tế vẫn hiện diện khi đã xét các yếu tố học vấn, tuổi, giới, nhóm dân tộc và khác biệt giữa các xã. OR lớn ở nhóm khá giả đi cùng khoảng tin cậy rộng, từ 8,32 đến 90,98; nhóm này chỉ có 50 người trong toàn mẫu. Do đó, ý nghĩa chính là hướng chênh lệch rõ.

Với học vấn, OR của nhóm trung học phổ thông trở lên so với tiểu học trở xuống là 5,17; nhóm trung học cơ sở là 1,65 với khoảng tin cậy bao gồm 1. Mức khác biệt mô tả của nhóm trung học cơ sở giảm đáng kể khi xét đồng thời các biến, cho thấy một phần chênh lệch có thể đan xen với cấu trúc kinh tế và địa bàn. Kết quả không hỗ trợ cách diễn giải rằng mọi bậc học vấn đều có liên hệ tăng đều và độc lập với hành động tự bảo vệ.

Kiểm tra lần lượt bỏ một xã cho thấy OR của nhóm trung bình dao động từ 3,12 đến 7,69; nhóm khá

giả từ 14,57 đến 48,81; nhóm trung học phổ thông trở lên từ 3,22 đến 6,60. Các liên hệ giữ cùng hướng qua các lần kiểm tra nhưng mức dao động về kinh tế còn lớn. Khi thay biến xã bằng huyện và nông thôn mới, các OR tương ứng là 4,90; 37,32 và 5,09. Kết quả này củng cố nhận định về phân hóa trong mẫu, đồng thời cho thấy độ lớn phụ thuộc vào cách biểu diễn bối cảnh địa bàn.

Tuổi, giới và nhóm dân tộc có khoảng tin cậy bao gồm 1; dữ liệu chưa đủ để xác định các liên hệ này. Các OR so sánh tỷ số có thực hiện trên không thực hiện giữa các nhóm trong mô hình. Lưu ý rằng, không kết luận rằng xác suất tự bảo vệ tăng tương ứng 4,36 hay 27,52 lần, hoặc rằng nâng mức sống sẽ tạo ngay mức thay đổi đó.

3.4. Nguồn thông tin và điều kiện tiếp cận phòng ngừa

Bên cạnh nguồn lực vật chất, người dân cần biết tình hình địa phương và nơi tìm hướng dẫn. Nội dung này của bài viết phân tích tập trung vào khác biệt theo học vấn đối với ba nguồn: chính quyền, đoàn thể cấp xã; người có uy tín; tự tìm hiểu. Cách đối chiếu này giúp nhận diện sự phân bố các kênh tiếp cận, không mặc định một kênh duy nhất phù hợp với mọi nhóm dân cư.

Bảng 3: Một số nguồn thông tin ANTT theo trình độ học vấn

Trình độ học vấn	n	Cấp xã (%)	Người có uy tín (%)	Tự tìm hiểu (%)
Tiểu học trở xuống	216	80,1	35,6	18,5
Trung học cơ sở	352	85,2	46,6	36,1
Trung học phổ thông trở lên	162	89,5	60,5	37,7
Toàn mẫu	730	84,7	46,4	31,2

Ghi chú: Câu hỏi có thể chọn nhiều nguồn. Cấp xã gồm chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội. Tự tìm hiểu gộp báo đài, Internet, công an xã, thông báo tại ủy ban; không đo riêng sử dụng Internet.

Nguồn: Số liệu khảo sát tại Đắk Nông, năm 2024.

Kênh chính quyền, đoàn thể cấp xã được lựa chọn khá phổ biến ở cả ba nhóm học vấn, từ 80,1% đến 89,5%. Điều này gợi ý đầu mối chính thức có khả năng tiếp cận nhiều nhóm cư dân trong mẫu, là cơ sở để duy trì thông tin nhất quán và hướng dẫn khi có vấn đề. Tuy nhiên, biết nguồn hoặc thường nhận thông tin chưa đồng nghĩa hiểu nội dung. Muốn đánh giá chất lượng truyền thông, cần xác định thêm người dân có thể giải thích và sử dụng hướng dẫn ra sao.

Tự tìm hiểu được 18,5% người thuộc nhóm tiểu học trở xuống lựa chọn, thấp hơn nhóm trung học cơ sở (36,1%) và trung học phổ thông trở lên (37,7%). Chênh lệch cho thấy nhu cầu làm thuận lợi việc tìm và hỏi thông tin đối với nhóm học vấn thấp. Vì phương án gộp báo đài, Internet, Công an xã và thông báo tại Ủy ban, kết quả không cho phép tách tỷ lệ sử dụng Internet hoặc xác định một nguyên nhân công nghệ cụ thể.

Đáng chú ý, nguồn người có uy tín được lựa chọn nhiều hơn ở nhóm học vấn cao: 60,5% so với 35,6% ở nhóm tiểu học trở xuống. Quan hệ với người có uy tín vì thế không chỉ hiện diện ở nhóm ít học. Cách tổ chức truyền thông cần xem xét mức tiếp xúc thực tế giữa từng đầu mối với cư dân. Không nên mặc định rằng dùng một chủ thể truyền đạt là đủ để bao phủ mọi người có cùng đặc điểm dân tộc hoặc học vấn.

3.5. Rào cản tham gia tổ chức an ninh trật tự

Phân tích lý do không tham gia các tổ chức ANTT được thực hiện trên 387 trường hợp hợp lệ, thay vì toàn bộ 730 người. Câu hỏi cho phép lựa chọn nhiều lý do. Bảng 4 trình bày nội dung chính của các phương án để phân biệt giới hạn nguồn lực, cách tiếp cận tổ chức và đánh giá của cư dân. Các tỷ lệ mô tả người đã trả lời nhóm câu hỏi này, không được dùng để suy đoán suy nghĩ của mọi người không tham gia.

Bảng 4: Lý do không tham gia hội, nhóm, tổ ANTT

Lý do	Số người	Tỷ lệ (%)
Bận rộn hoặc không đủ sức khỏe	209	54,0
Không được bầu, giới thiệu, phân công, chỉ định	117	30,2
Ít đem lại lợi ích cho bản thân, gia đình	11	2,8
Các tổ chức hoạt động kém hiệu quả	9	2,3
Không được gia đình ủng hộ	8	2,1
Lý do khác	57	14,7

Ghi chú: N = 387; Có thể chọn nhiều lý do; các tỷ lệ không cộng thành 100%.

Nguồn: Số liệu khảo sát tại Đắk Nông, năm 2024.

Lý do bận rộn hoặc không đủ sức khỏe được 54% người dân lựa chọn, cao nhất trong nhóm phân tích. Do hai điều kiện được gộp, không thể xác định riêng mức phổ biến của thiếu thời gian và hạn chế sức khỏe. Tuy nhiên, cả hai đều đặt ra yêu cầu đối chiếu nhiệm vụ với khả năng thực hiện. Việc tổ chức chỉ tăng số buổi họp hoặc kéo dài thời lượng hoạt động có thể không phù hợp với những cư dân đang gặp các giới hạn này.

Có 30,2% cho biết không được bầu, giới thiệu, phân công hoặc chỉ định. Phương án phản ánh cách người trả lời hiểu con đường tham gia, chưa đủ để chứng minh tổ chức có hành vi loại trừ. Một số loại hình có tiêu chuẩn và cách tuyển chọn riêng, trong khi cư dân cũng có thể chưa biết cách đăng ký. Dù theo khả năng nào, kết quả vẫn gợi ý cần giải thích rõ điều kiện, đầu mối tiếp nhận và những cách đóng góp bên ngoài vai trò thành viên chính thức.

Hai lý do trên có phần giao nhau: 12 người chọn cả hai; tính chung có 314/387 người, tương ứng 81,1%, chọn ít nhất một trong hai. Con số này cho thấy phần lớn nhóm trả lời hợp lệ đề cập tới giới hạn thời gian, sức khỏe hoặc cơ chế tiếp cận tổ chức. Đây là cơ sở để ưu tiên rà soát cách phân công và thông tin tuyển chọn. Không thể từ đó xác định lý do nào có sức chi phối lớn hơn, bởi bảng hỏi không yêu cầu xếp thứ tự hoặc đánh giá mức độ trở ngại.

Các lý do ít lợi ích cho gia đình (2,8%), tổ chức hoạt động kém hiệu quả (2,3%) và không được gia đình ủng hộ (2,1%) ít được lựa chọn. Tỷ lệ thấp chưa chứng minh tổ chức đáp ứng đầy đủ nhu cầu, vì người chưa tham gia có thể ít thông tin đánh giá. Nhóm lý do khác chiếm 14,7% cần được tìm hiểu bằng phỏng vấn bổ sung.

Không tham gia tổ chức cũng khác với không thực hiện hoạt động bảo vệ ANTT. Người không là thành viên vẫn có thể bảo vệ gia đình, báo tin hoặc hỗ trợ người khác theo tình huống. Vì vậy, việc sử dụng tỷ lệ thành viên như chỉ báo duy nhất về trách nhiệm cộng đồng sẽ làm hẹp cách nhìn về vấn đề này. Đối tượng cần điều chỉnh ở đây là điều kiện tham gia một hình thức có tổ chức, không phải phẩm chất hay mức gắn bó của cả nhóm người chưa tham gia.

3.6. Nguồn lực tự bảo vệ và cơ hội tham gia

Tự bảo vệ gắn với phạm vi hộ kiểm soát; tham gia tổ chức còn liên quan đến phân công, tiêu chuẩn và thời gian hoạt động chung. Việc đối chiếu hai phương diện cho thấy cần những loại hỗ trợ khác nhau.

Chênh lệch theo mức sống đưa vấn đề phân tầng vào phân tích phòng ngừa: cùng một yêu cầu bảo vệ tài sản, chi phí thực hiện có thể tạo mức khó khăn khác nhau. Gợi ý từ tiếp cận nguồn lực tham gia cho thấy cần xem xét phân bố điều kiện hành động (Brady và cộng sự, 1995). Do đó, hỗ trợ vật chất và thiết kế hoạt động phải được cân nhắc cùng vận động tinh thần.

Lý do chưa được giới thiệu hoặc phân công nhấn mạnh yếu tố tổ chức: cơ hội đóng góp còn gắn với cách cư dân được biết, tiếp nhận và bố trí công việc. Điều này phù hợp với mối quan tâm về cơ hội cất tiếng nói của Verba và cộng sự (1995). Trong ANTT, cần vừa bảo đảm tiêu chuẩn của lực lượng, vừa tạo hoạt động cộng đồng phù hợp cho người khác.

Nguồn lực văn hóa cộng đồng cũng cần được đặt trong điều kiện vận hành. Quan hệ tin cậy, người có uy tín và tập quán hợp tác có thể hỗ trợ kết nối nhưng cần hướng dẫn, phương tiện và phản hồi. Tư liệu về bảo vệ nông sản tại Quảng Khê cho thấy nhiệm vụ được tổ chức gắn với nhu cầu sản xuất (Viện Xã hội học, 2024), chưa xác nhận độc lập hiệu quả giảm tội phạm.

Đóng góp của bài là đưa điều kiện thực hiện vào phân tích cùng yêu cầu tự giác. Theo gợi ý đánh giá của Bennett và cộng sự (2008), nghiên cứu tiếp theo cần bổ sung chỉ báo kết quả và nhóm đối chiếu. Các giải pháp cần được thử nghiệm trước khi đánh giá tác động.

3.7. Một số giải pháp bảo đảm an ninh trật tự ở cộng đồng dân tộc thiểu số tại Đắk Nông

3.7.1. Hỗ trợ các biện pháp tự bảo vệ thiết yếu cho hộ khó khăn

Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Công an cấp xã, trưởng thôn, bon và các đoàn thể rà soát nhu cầu bảo vệ tại gia đình, ưu tiên hộ nghèo, cận nghèo có khó khăn thực tế. Trong ba tháng đầu triển khai có thể sử dụng một phiếu hướng dẫn ngắn để người dân tự kiểm tra cửa, khóa, hàng rào, ánh sáng và nơi cất giữ công cụ, nông sản. Trên cơ sở trao đổi tự nguyện với từng hộ, xác định việc cần làm ngay, việc gia đình tự thực hiện và việc cần hỗ trợ.

Các hỗ trợ nên tập trung vào sửa chữa nhỏ, vật tư thiết yếu hoặc ngày công theo nguồn lực hợp pháp; công khai tiêu chí lựa chọn và có xác nhận của hộ thụ hưởng. Không lấy mua camera làm yêu cầu chung. Nếu sử dụng thiết bị cần xác định người vận hành, nguồn duy trì và phạm vi sử dụng dữ liệu. Sau ba tháng, đầu mối thôn, bon kiểm tra cùng hộ xem hạng mục đã hoàn thành và còn sử dụng được hay không; tổng hợp những nhu cầu chưa được đáp ứng để UBND cấp xã xem xét tiếp.

3.7.2. Tổ chức hướng dẫn kỹ năng an toàn bằng tình huống cụ thể

Công an cấp xã phối hợp với Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và người hỗ trợ tại cộng đồng xây dựng ba nội dung ngắn, gồm: bảo vệ tài sản khi vắng nhà hoặc vào mùa thu hoạch; nhận diện thông tin, yêu cầu giao dịch đáng ngờ; cung cấp tin báo và tìm đúng nơi hỗ trợ. Mỗi thôn, bon có thể thí điểm một buổi 30-45 phút cho từng nội dung, bố trí ngoài thời gian lao động cao điểm. Người hướng dẫn minh họa một tình huống, cho người tham dự lựa chọn cách xử lý và giải thích lại các bước cần làm. Với người học vấn thấp, ưu tiên hướng dẫn trực tiếp, hình minh họa và hỗ trợ tiếng dân tộc khi có nhu cầu.

Trước và sau buổi hướng dẫn, sử dụng cùng một số câu hỏi tình huống để nhận biết nội dung người dân đã hiểu hoặc còn nhầm. Tài liệu mang về cần ghi rõ việc phải làm, đầu mối liên hệ và cách kiểm chứng thông tin. Những hộ khó tham dự được hướng dẫn bổ sung qua sinh hoạt nhóm nhỏ hoặc trao đổi trực tiếp. Kết quả theo dõi là khả năng lựa chọn cách xử lý phù hợp, không chỉ số người có mặt.

3.7.3. Công khai cách tham gia và bố trí nhiệm vụ phù hợp với thời gian, sức khỏe

Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã và đầu mối tổ chức cần rà soát, thông báo rõ từng loại hình tham gia: điều kiện tuyển chọn, công việc, thời gian và nơi đăng ký. Với các lực lượng có tiêu chuẩn theo luật phải thực hiện đúng quy định, đồng thời xác định những hoạt động hỗ trợ tự nguyện phù hợp cho cư dân không là thành viên. Người có nhu cầu đăng ký cần được phản hồi về khả năng bố trí hoặc lý do chưa phù hợp.

Đối với hoạt động cộng đồng, đầu mối thôn, bon trao đổi trước về lịch mùa vụ, sức khỏe và khoảng thời gian có thể đóng góp để phân công theo đợt ngắn. Người không phù hợp tuần tra có thể hỗ trợ thông báo hoặc hậu cần khi thích hợp, không được giao nhiệm vụ vượt khả năng. Sau từng đợt hỏi lại người tham gia và người chưa tham gia về trở ngại còn tồn tại. Không lấy vắng mặt hoặc không là thành viên làm căn cứ quy kết thiếu trách nhiệm. Việc huy động lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở phải phù hợp chức năng, tiêu chuẩn và thẩm quyền (Quốc hội, 2023).

3.7.4. Duy trì đầu mối thông tin chính thức và quy trình phản hồi dễ tiếp cận

Công an cấp xã phối hợp UBND cấp xã công bố số điện thoại, địa điểm tiếp nhận và người hướng dẫn khi cư dân cần báo tin hoặc hỏi thủ tục. Mỗi thôn, bon bố trí ít nhất một đầu mối hỗ trợ chuyển thông tin tới đúng nơi, kết hợp thông báo trực tiếp với kênh trực tuyến nếu có điều kiện. Nội dung phổ

biến cần thống nhất giữa các kênh; trưởng thôn và người có uy tín hỗ trợ giải thích, không thay cơ quan có thẩm quyền kết luận vụ việc.

Khi nhận yêu cầu, đầu mối ghi nhận nội dung cần hỗ trợ, chuyển đúng nơi và thông báo cho người dân cách liên hệ tiếp theo; trường hợp khẩn cấp phải chuyển ngay tới lực lượng chức năng. Nhóm trực tuyến cần có người quản lý, xác minh trước khi phổ biến, không công khai danh tính người bị nghi ngờ hoặc thông tin riêng tư từ lời truyền miệng. Việc theo dõi cần chú ý người dân có nhận được hướng dẫn và phản hồi hay không. Cách giao tiếp này chú trọng tính chính đáng theo gợi ý của Tyler (2006).

3.7.5. Thí điểm và đánh giá gói giải pháp bằng kết quả thực hiện

Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn một số thôn, bon có điều kiện khác nhau để triển khai trong 6 tháng, phối hợp với Công an và Mặt trận Tổ quốc theo dõi. Trước triển khai, ghi nhận tình trạng biện pháp bảo vệ của hộ, khả năng xác định đầu mối hỗ trợ và lý do chưa tham gia; sau 3 tháng kiểm tra tiến độ, sau 6 tháng khảo sát lại cùng nhóm hộ. Bộ chỉ báo nên gồm: số hộ khó khăn hoàn thành hạng mục thiết yếu; mức duy trì sử dụng; khả năng xử lý tình huống; mức rõ ràng của cách đăng ký tham gia; trải nghiệm nhận hướng dẫn và phản hồi.

Kết quả cần được đối chiếu theo mức sống, học vấn và địa bàn để xem nhóm cần hỗ trợ có thực sự được tiếp cận. Nếu đánh giá giảm thiệt hại hoặc vụ việc, phải bổ sung dữ liệu đã xác minh, thông tin trước, sau và địa bàn đối chiếu khi có điều kiện; không lấy số cam kết hoặc số thành viên để thay thế hiệu quả an toàn. Hương ước, quy ước có thể hỗ trợ phối hợp nhưng phải phù hợp pháp luật, tôn trọng quyền của cư dân (Chính phủ, 2023). Trên cơ sở kết quả thí điểm, điều chỉnh nhiệm vụ, cách hỗ trợ và nguồn lực trước khi nhân rộng.

4. Kết luận

Khảo sát tại Đắk Nông cho thấy tự bảo vệ tại gia đình có sự phân hóa rõ theo mức sống của hộ và học vấn của người trả lời. Liên hệ về mức sống và nhóm THPT trở lên vẫn được ghi nhận trong mô hình thăm dò có điều chỉnh theo đặc điểm xã hội, địa bàn. Khác biệt nguồn thông tin và lý do không tham gia bổ sung bằng chứng về điều kiện tiếp cận phòng ngừa. Kết quả đặt ra yêu cầu kết hợp vận động trách nhiệm với hỗ trợ hành động: ưu tiên biện pháp bảo vệ thiết yếu cho hộ khó khăn, hướng dẫn kỹ năng an toàn và tổ chức cơ hội đóng góp phù hợp thời gian, sức khỏe. Sự phối hợp phải gắn với trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền, hạn chế phụ thuộc quá mức vào nguồn lực riêng của gia đình. Bài viết chưa đánh giá tác động của tự bảo vệ hoặc chất lượng tổ chức. Nghiên cứu tiếp theo cần đo kỹ năng, trải nghiệm nhận hỗ trợ, thiệt hại và diễn biến theo thời gian. Kết quả nghiên cứu có giá trị nhận diện vấn đề và định hướng thử nghiệm giải pháp, tạo cơ sở cho nghiên cứu sâu hơn về sự công bằng trong tiếp cận bảo vệ tại cộng đồng DTTS.

Tài liệu tham khảo

Bennett, T., Holloway, K. & Farrington, D. (2008). The effectiveness of neighborhood watch. *Campbell Systematic Reviews, 4*(1), 1-46. https://doi.org/10.4073/csr.2008.18.

Brady, H. E., Verba, S. & Schlozman, K. L. (1995). *Beyond SES: A resource model of political participation. American Political Science Review, 89*(2), 271-294. https://doi.org/10.2307/2082425.

Chính phủ (2023). *Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.*

Cohen, L. E. & Felson, M. (1979). Social change and crime rate trends: A routine activity approach. *American Sociological Review, 44*(4), 588-608. https://doi.org/10.2307/2094589.

Phan Đức Nam (2026). *Thực hành cộng đồng trong tiếp cận an ninh con người ở vùng dân tộc thiểu số: Trường hợp tỉnh Đắk Nông.* Kỷ yếu Hội thảo Khoa học *"An ninh con người trong bối cảnh biến đổi toàn cầu"*, Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.

Quốc hội (2023). *Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.* Luật số 30/2023/QH15 ngày 28/11/2023.

Quốc hội (2025). *Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.*

Tyler, T. R. (2006). *Why People Obey the Law.* Princeton University Press. https://doi.org/10.1515/9781400828609.

Verba, S., Schlozman, K. L. & Brady, H. E. (1995). *Voice and Equality: Civic Voluntarism in American Politics.* Harvard University Press. https://doi.org/10.2307/j.ctv1pnc1k7.

Viện Xã hội học (2024). *Vai trò của văn hóa cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới ở vùng dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông hiện nay.* Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Viện Xã hội học chủ trì, Phan Đức Nam chủ nhiệm.